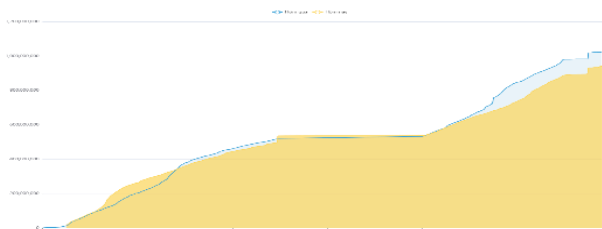


THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

| | HSX | HNX |
|---------------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa | 1,336.26 | 246.77 |
| Thay đổi | 10.11 | 4.04 |
| Thay đổi % | 0.76% | 1.67% |
| KLGD (Triệu CP) | 914.5 | 59.0 |
| GTGD (Tỷ) | 20,642 | 1,058 |
| Độ rộng thị trường | | |
| CP tăng giá | 170 | 81 |
| CP giảm giá | 283 | 106 |
| CP tham chiếu | 87 | 61 |
| P/E | 30.78 | 12.93 |
| P/B | 1.62 | 1.68 |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI |
|-----------|----------|----------|-------|--------|
| VN30 | 1,394.9 | 7.87 | 37.90 | |
| VN30F1M | 1,357.0 | +1,5 | | 54,573 |



Nguồn: Fireant

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

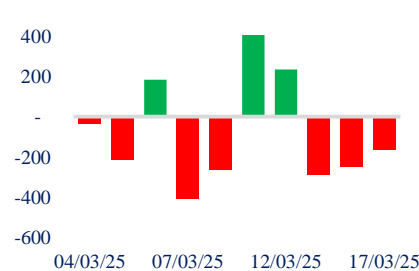
- VN-Index kết phiên tăng 10,11 điểm (+0,76%). Dòng tiền nghiêng về phe mua với 270 mã tăng và 185 mã giảm. Đây là phiên tăng điểm sau chuỗi giằng co liên tiếp, phản ánh tâm lý tích cực của nhà đầu tư.

- Nhóm ngân hàng đặc biệt là những ngân hàng nhỏ dẫn dắt đà tăng của chỉ số với tiêu điểm như SHB, MSB, OCB... Sau đó, đà tăng dần lan sang những cổ phiếu ngân hàng khác.

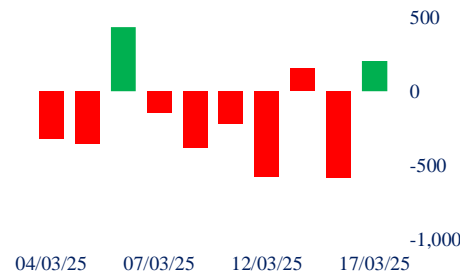
- Tiếp đà tăng của nhóm ngân hàng là nhóm bất động sản với NLG là cổ phiếu tăng sớm nhất và tạo hiệu ứng lan tỏa. Nhóm cổ phiếu bất động sản đón nhận sự quan tâm trở lại của nhà đầu tư khi bất động sản thực đang nóng lên trước thông tin sát nhập tính thành.

- Khối ngoại đảo chiều mua ròng 204 tỷ ở các mã VCB, VCI. Bên cạnh đó, khối ngoại tiếp đà bán ròng với FPT làm cổ phiếu giảm 16% từ đỉnh.

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Sau chuỗi phiên giằng co và rung lắc mạnh quanh mốc 1.330 điểm, VN-Index đã cho thấy sự chuyển biến tích cực khi lực cầu gia tăng và phe mua dần chiếm ưu thế. Điều này không chỉ giúp chỉ số tiếp tục đà tăng mà còn cho thấy tâm lý thị trường đang cải thiện đáng kể, đặc biệt khi dòng tiền nội vẫn duy trì sự chủ động. Xu hướng tăng trong ngắn và trung hạn vẫn được tiếp diễn.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Dòng tiền liên tục xoay chuyển giữa các nhóm ngành, do đó nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi theo xu hướng. Thay vào đó, cần đa dạng hóa danh mục đầu tư vào các nhóm ngành như ngân hàng, chứng khoán, thép và theo dõi sát diễn biến thị trường. Tỷ trọng hợp lý 70 – 80% danh mục.

- Kịch bản 1: VN-Index tiếp tục đi ngang quanh mốc 1.330 điểm.

- Kịch bản 2: VN-Index tăng lên mức 1.345 điểm.

Danh mục khuyến nghị mới

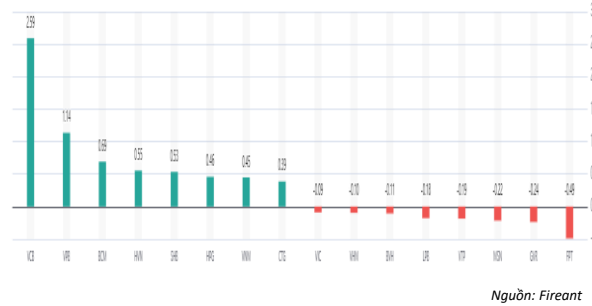
| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | Loại khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|------------------|
| 1 | VIX | 12.3 | 11.3 | 06/03/2025 | 14.5 | 10.5 | Đầu cơ |
| 2 | HSG | 18.85 | 18.6 | 04/03/2025 | 21.5 | 17.5 | Đầu cơ |
| 3 | NTL | 17.95 | 18 | 04/03/2025 | 22.5 | 16 | Đầu cơ |

Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành | Ngày | Tháng |
|-----------------------------|--------|--------|
| Dầu khí | 0.93% | -2.98% |
| Hóa chất | -0.52% | 4.27% |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.03% | 6.34% |
| Xây dựng và Vật liệu | 1.10% | 0.01% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 0.14% | 1.75% |
| Ô tô và phụ tùng | 1.09% | 2.00% |
| Thực phẩm và đồ uống | 0.24% | 3.87% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0.20% | -4.60% |
| Y tế | -0.33% | -2.03% |
| Bán lẻ | 0.84% | 9.70% |
| Truyền thông | -3.27% | -1.09% |
| Du lịch và Giải trí | 2.03% | 1.32% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | 0.51% | 1.33% |
| Ngân hàng | 1.16% | 5.02% |
| Bảo hiểm | -0.89% | -0.82% |
| Bất động sản | 0.87% | 17.63% |
| Dịch vụ tài chính | 0.78% | 8.28% |
| Công nghệ Thông tin | -1.02% | -9.09% |



Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Nguồn: Fireant

Top NN mua ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| VCB | 67.3 | 1.30 / 1.97% | 5,009,897 |
| VCI | 39.45 | 0.55 / 1.41% | 6,428,141 |
| VHM | 47.8 | -0.10 / -0.21% | 11,024,861 |
| VIC | 52.1 | -0.10 / -0.19% | 6,644,552 |
| VPI | 56.7 | 0.40 / 0.71% | 2,240,864 |

Top NN bán ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| FPT | 130 | -1.40 / -1.07% | 7,666,806 |
| BCM | 81.8 | 2.80 / 3.54% | 1,826,078 |
| HPG | 27.85 | 0.30 / 1.09% | 19,758,342 |
| PNJ | 87.9 | 0.50 / 0.57% | 1,143,538 |
| DGC | 107 | 0.00 / 0.00% | 2,569,693 |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã | Tên | Vị trí | Ngày | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|---------------------------|--|------------|---------|------------|
| TCD | Nguyễn Văn Bắc | Phụ trách Công bố thông tin/Thành viên Hội đồng Quản trị | 17/03/2025 | Bán | 300,000 |
| MSB | Rox Key Holdings | --- | 17/03/2025 | Bán | 24,212,282 |
| SSB | Công Đoàn Seabank Hội Sở | --- | 14/03/2025 | Bán | 1,106,000 |
| BCG | MTV Nhn Co., Ltd | --- | 14/03/2025 | Bán | 0 |
| CTD | KITMC Worldwide Vietnam R | --- | 14/03/2025 | Bán | 0 |

TIN TỨC

Trong nước

[VITAS: Ngành dệt may đối mặt thách thức lớn](#)
[Rà soát nhu cầu vay nhà ở xã hội](#)
[Sắp tăng lương tối thiểu 2025](#)

Doanh nghiệp

[NVL: Novaland thắng kiện tại dự án hơn 11.000 tỷ](#)
[CDC: Chốt ngày chào bán gần 22 triệu cổ phiếu](#)
[ACB: Chia cổ tức tỷ lệ 25% năm thứ 5](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Khả năng Canada trở thành thành viên thứ 28 của EU](#)
[Trung Quốc từ chối vận chuyển hàng hóa qua Nga](#)
[Ấn Độ thông qua dự luật đẩy mạnh đầu tư dầu khí](#)

Hàng hóa

[Giá mua - bán chung cư tăng nhưng giá thuê ít biến động](#)
[Giá dầu quay đầu suy yếu, thị trường nông sản phục hồi](#)
[Iran nhập khẩu số lượng vàng cao kỷ lục](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|----|----------------------|-------------------|
| 1 | VCB | 5,009,897 1.97% |
| 2 | VPB | 79,559,133 3.06% |
| 3 | BCM | 1,826,078 3.54% |
| 4 | HVN | 3,177,737 3.77% |
| 5 | SHB | 130,642,483 5.14% |
| 6 | HPG | 19,758,342 1.09% |
| 7 | VNM | 4,181,437 1.45% |
| 8 | NAB | 10,668,060 6.53% |
| 9 | CTG | 3,483,093 0.71% |
| 10 | MSB | 31,984,612 4.31% |

Giá hàng hóa

| | Đóng cửa | Thay đổi | % |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng | 2462.8 | -0.50 | -0.02% |
| Bạc | 27.52 | -0.08 | -0.29% |
| Đồng | 4.0395 | 0.08 | 2.03% |
| Dầu thô | 0.14 | 0.00 | -0.68% |
| Dầu Brent | 79.25 | 0.09 | 0.11% |
| Khí Tự nhiên | 2.172 | 0.05 | 2.12% |
| Khí đốt | 2.3624 | 0.00 | 0.20% |
| Đường | 18.61 | 0.04 | 0.22% |
| Heo nạc | 73.55 | -1.02 | -1.37% |
| Cà phê | 237.5 | -1.85 | -0.77% |

Tỷ giá hối đoái

| | Thay đổi | Tỷ giá NHNN | |
|---------|---------------|-------------|---------------|
| | | Mua | Bán |
| USD/VND | 25330 0.04% | USD | 23,605 25,983 |
| EUR/VND | 27075 0.43% | EUR | 25,618 28,314 |
| GBP/VND | 32187 0.02% | GBP | 30,456 33,662 |
| USD/VND | 165.00 -0.60% | JPY | 158 175 |
| AUD/VND | 28160 0.05% | CHF | 26,635 29,438 |



NHÓM TÀI CHÍNH DẪN ĐẦU, VNINDEX TIẾP ĐÀ TĂNG

Bản tin ngày 18/03/2025

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MWG | 62 | 60.3 | 05/12/2024 | 70 | 56 | 2.8% | Nắm giữ |
| 2 | HCM | 32.3 | 30 | 24/02/2025 | 34 | 28.5 | 7.7% | Nắm giữ |
| 3 | NTL | 17.95 | 18 | 04/03/2025 | 22.5 | 16 | -0.3% | Nắm giữ |
| 4 | HSG | 18.85 | 18.6 | 04/03/2025 | 21.5 | 17.5 | 1.3% | Nắm giữ |
| 5 | VIX | 12.3 | 11.3 | 06/03/2025 | 14.5 | 10.5 | 8.8% | Nắm giữ |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | VHC | 67.4 | 70 | 27/02/2024 | 83.8 | 69 | -3.7% | Nắm giữ |
| 2 | HPG | 27.85 | 26.5 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 5.1% | Mua mới |
| 3 | TCB | 27.45 | 21.85 | 20/08/2024 | 26.2 | 20.8 | 25.6% | Nắm giữ |
| 4 | TCM | 41.55 | 45 | 12/09/2024 | 55 | 42 | -7.7% | Nắm giữ |
| 5 | PNJ | 87.9 | 95.4 | 17/09/2024 | 112 | 87.1 | -7.9% | Nắm giữ |
| 6 | CTG | 42.6 | 35 | 19/09/2024 | 45 | 33 | 21.7% | Nắm giữ |
| 7 | KDH | 33.2 | 33 | 18/10/2024 | 38.5 | 31 | 0.6% | Nắm giữ |
| 8 | STB | 38.85 | 38.3 | 20/02/2025 | 44 | 35.4 | 1.4% | Nắm giữ |
| 9 | SZC | 44.55 | 41.7 | 21/02/2025 | 45.8 | 41.2 | 6.8% | Nắm giữ |
| 10 | KBC | 29.75 | 29.4 | 20/02/2025 | 35 | 26.7 | 1.2% | Nắm giữ |
| 11 | MWG | 62 | 54.1 | 21/02/2025 | 74 | 46 | 14.6% | Nắm giữ |
| 12 | FPT | 130 | 143.6 | 20/02/2025 | 190 | 122.1 | -9.5% | Nắm giữ |
| 13 | HAH | 48.2 | 53.3 | 21/02/2025 | 60 | 50 | -9.6% | Nắm giữ |
| 14 | DGC | 107 | 106 | 20/02/2025 | 140 | 90.6 | 0.9% | Nắm giữ |
| 15 | MSH | 58 | 59 | 21/02/2025 | 63 | 57 | -1.7% | Nắm giữ |
| 16 | VCG | 20.9 | 21.6 | 20/02/2025 | 27 | 18.9 | -3.2% | Nắm giữ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | VPB | 19.7 | 18.5 | 08/11/2024 | 20 | 17 | 6.5% | Chốt lời |
| 2 | VTP | 119 | 81.8 | 20/11/2024 | 93 | 73.0 | 45.5% | Chốt lời |
| 3 | HSG | 17.4 | 18.5 | 18/12/2024 | 21 | 17.7 | -5.9% | Cắt lỗ |
| 4 | CTD | 89 | 73 | 03/03/2025 | 90 | 66.0 | 21.9% | Chốt lời |
| 5 | HHV | 12.7 | 12.6 | 03/03/2025 | 14.5 | 11.5 | 0.8% | Chốt lời |
| 6 | ACV | 28.8 | 31.3 | 22/10/2024 | 35 | 27.0 | -8.0% | Cắt lỗ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | DPR | 37.3 | 40 | 18/11/2024 | 48 | 38 | -6.8% | Cắt lỗ |
| 2 | NLG | 37 | 41.5 | 18/11/2024 | 47.3 | 39.6 | -10.8% | Cắt lỗ |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | |
|-------------------|--|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích long.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Mai | Chuyên viên phân tích mai.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Huyền | Chuyên viên phân tích huyen.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Anh Quân | Chuyên viên phân tích quan.nguyen@vfs.com.vn |
| Lê Thị Ngọc | Chuyên viên phân tích ngoc.le@vfs.com.vn |